TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 6 – 2018
Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Sua

2. Ông Lê Thái Ngọc

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thuý Dung, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 409/2018/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2018 về việc "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 379/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị C, sinh năm: 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Số 116, Trần Bình Trọng, khóm 5, phường 5, thành phố P, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Trọng H, sinh năm: 1994, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Hẽm 151, Trần Hưng Đạo, khóm 8, phường 5, thành phố P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 23/4/2018, chị C trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đặng Trọng H xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2009, đến năm 2015, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 5, thành phố P, tỉnh C. Hôn nhân của chị và anh H được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, chị và anh H luôn xảy ra mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống, anh H luôn cản trở trong mối quan hệ tình cảm gia đình, họ hàng, dùng bạo lực và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị nên cuộc sống vợ, chồng chị không có hạnh phúc. Do đó, chị xét thấy tình cảm vợ, chồng không thể hàn gắn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị C xác định giữa chị và anh H có 02 con chung là Đặng Trọng P, sinh ngày 27/11/2010; Đặng Ngọc A, sinh ngày 10/3/2012. Hiện 02 con của chị và anh H đang sống với cha, mẹ chồng của chị. Khi ly hôn, chị đồng ý giao 02 con cho anh H nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/người.

- Về tài sản chung: Chị C xác định vợ, chồng chị có tài sản chung là chiếc xe Wave an pha nhưng chị không đặt ra yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Chị C khai vợ, chồng chị không thiếu nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng chị.

Tại bản tự khai ngày 26/6/2018, anh Đặng Trọng H xác định: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, con chung, tình trạng tài sản, nợ đúng như đơn khởi kiện của chị C trình bày. Anh H cho rằng, trong cuộc sống vợ, chồng cũng xảy ra những mâu thuẫn nhỏ. Nay chị C khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn, đồng thời anh xin không tham gia tố tụng trong quá trình hòa giải và xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Đối với anh Đặng Trọng H có đơn yêu cầu không tham gia tố tụng từ phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, trong quá trình hòa giải và xét xử vụ án. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được đồng thời tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị C và anh Đặng Trọng H xác lập quan hệ vợ, chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2015 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống anh, chị có nhiều điểm bất đồng, không quan tâm, chăm sóc, thương yêu lẫn nhau. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ, chồng của anh, chị mỗi người có suy nghĩ, quan điểm khác nhau dẫn đến không hoà hợp, thường xuyên cải vã, xung đột với nhau làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ, chồng nên anh, chị mỗi người sống một nơi, có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đở lẫn nhau. Mặt khác, sau khi xảy ra mâu thuẫn, anh, chị cũng tự dung hoà để hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không có hiệu quả. Thực tế ngày 04/4/2018, chị C đã nộp đơn ly hôn với anh H nhưng sau đó rút lại nhằm tạo điều kiện cho hai bên có thời gian suy nghĩ, tìm giải pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng cũng không có hiệu quả nên nay chị C tiếp tục nộp đơn ly hôn với anh H. Điều đó chứng tỏ chị C cương quyết ly hôn nên anh H đã chấp nhận ly hôn với chị C. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận cho chị C được ly hôn với anh H là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị C và anh H xác định giữa chị và anh H có 02 con chung là Đặng Trọng P, sinh ngày 27/11/2010; Đặng Ngọc A, sinh ngày 10/3/2012. Khi ly hôn, anh H yêu cầu được nuôi hết 02 con, yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; chị C đồng ý giao 02 con cho anh H nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/người cho đến khi các con của anh, chị đủ 18 tuổi. Xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận của chị C và anh H phù hợp luật định nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị C và anh H xác định có nhưng anh, chị không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị C và anh H khai không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị C về việc xin ly hôn anh Đặng Trọng H.

2. Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện thoả thuận của chị C và anh H – giao các cháu Đặng Trọng P, sinh ngày 27/11/2010 và Đặng Ngọc A, sinh ngày 10/3/2012 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/người. Thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu P, cháu A đủ 18 tuổi.

Chị C không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị C không tự nguyện cấp dưỡng khoản tiền nuôi con nêu trên thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

3. Về tài sản chung: Chị C và anh H xác định có nhưng không đặt ra yêu cầu nên không xem xét;

4. Về nợ chung: Chị C và anh H khai không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị C phải chịu 300.000đ; án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị C phải chịu 300.000đ. Ngày 02 tháng 5 năm 2018, chị C đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 729 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước. Chị C phải nộp tiếp 300.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND phường 5, Tp.Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

Hứa Minh Hải